

BẢN LUẬN QUYỂN 39

PHẨM THÍ

Trên đến đây, Bồ-đề phân trì có mười sáu phẩm, đã nói năm phẩm là pháp sở học. Chia ra phẩm chủng tánh là phương tiện Học. Dưới đây, có mười phẩm kia là công hạnh của chủ thể Học (năng học), gồm có đối tượng Học (sở học), trong đó, nếu theo văn phán quyết của Luận sư Cảnh thì: Tám phẩm đầu, nói về lợi mình, lợi người, tạo nên hạnh tu. Một phẩm Bồ-đề phân pháp, nói về hạnh Nội chứng; một phẩm công đức sau cuối, do hai công hạnh trước chứng minh cho công đức đã được hoàn thành.

Sáu phẩm đầu trong tám phẩm trước, là nói về công hạnh lợi mình; một phẩm Tứ Nhiếp; là nói về hạnh lợi người.

Phẩm Cúng Dường thứ tám, nói về công hạnh gần gũi, tu tập, kết hợp với một phẩm Vô Lượng, là nói chung hai hạnh. Dù có thuyết này, nhưng nay, nếu theo sự phán quyết của Pháp sư Khuy Cơ v.v... thì bảy phẩm đầu là phần lợi mình, không nói về sự trùng hợp về thời gian, chỉ công hạnh của phần mình.

Kế là, có hai phẩm nói về đạo Thắng Tấn. Một phẩm sau cuối, nói về nhân thành quả mãn.

Theo phẩm Tự phần, chia làm hai:

Nói về nghĩa có ba. Phẩm chia làm hai:

1- Có sáu phẩm thuyết minh về công hạnh lợi người.

Phán quyết về nghĩa được chia làm ba:

2- Phán quyết như trên, tức cuối phẩm Tứ Nhiếp.

“Như thế, đã nói về nhiều thứ Bồ thí, trì giới, cho đến đồng sự” trở xuống, là song kết về hai lợi, tạo nghiệp, bày tỏ công hạnh tu, thành tựu lợi ích.

Sáu phẩm tự lợi, tức gọi là sáu độ. Vì phẩm Thí được lập ra trước nhất nên nói là phẩm Thí.”

Hỏi: “Vì sao trước nói về sở học xứ? Như thế, phẩm Học Pháp sinh khởi hàng đầu.

Nói về văn của chủ thể tu học không sinh khởi trước là có ý gì ư?

Nghĩa là: “Nghĩa y cứ rất dễ hiểu, đâu cần phân biệt. Trong phẩm Công đức dưới đây, sẽ có văn kết.

Tóm tắt của đoạn văn nói về hạnh lợi mình đã xong. Phần giải thích đầu tiên của phẩm lực chủng tánh, như trước, trong hạnh lợi mình

gồm có:

1) Nêu chung về số, nêu tên sáu độ.

2) Giải thích riêng theo thứ lớp.

3) Cuối phẩm Tuệ “Lại nữa, sáu thứ như thế v.v...” trở xuống, là tổng kết sáu thứ, dẫn chứng, khen vượt hơn. Theo giải thích riêng, thì chia làm sáu đoạn:

1- Cương yếu chung của bài Tụng đầu và văn xuôi trong giải thích bố Thí là chia ra chín chương môn.

2- Dựa theo chương nói rộng.

3- Giải thích xong tổng kết. So sánh văn của năm độ khác, đồng với văn ở đây.

Thí tự tánh: Nghĩa là nói riêng về tướng trạng của hạnh bố thí. Vì công hạnh Thí cho chẳng phải một, nên nói “tất cả”.

“Y cứ ở công hạnh Thí cho này, chia ra bảy môn”, trở xuống, là tự thuộc đương.

Nói: “Khó thực hành Thí”: nghĩa là khó buông bỏ, gọi là “khó thực hành”. Công hạnh thí thù thắng, gọi là thí khó thực hành.

Thí tất cả môn: Nghĩa là tất cả công hạnh thí đều gồm thấu vào môn này, gồm thấu công hạnh rộng khắp gọi là Thí trong tất cả môn. Lại, tu thí trong tất cả môn, gọi là Thí tất cả môn.

Thí Thiệnsĩ: Nghĩa là hạnh bố Thí thuần túy thiện, việc làm thuần thiện, gọi là thiện thí.

Thí tất cả thứ. Nghĩa là hạnh thí đầy đủ. Thành tựu công hạnh Thí cho này trong tất cả duyên, gọi là tất cả thứ.

Với hai thứ trước, nói tất cả, gọi là khác nhau.

Lại, Ngài Tam Tạng nói: “Môn tự ban đầu, đều là thể Thí của tâm. Kế là tâm riêng cho tất cả Thí. Thể của tất cả thí, tất cả môn thí, nghĩa là tâm thí trước. Do tất cả thứ thí, nghĩa là nói về mỗi thứ thí của nhân trước, gọi là riêng là Tất cả thứ Thí.

Năm độ dưới đây, là giải thích ba, tất cả y theo đây, nên biết.

Toại bèn cầu Thí, nghĩa là gọi là người đến, với tâm tùy hỷ những gì mình có, gọi là bèn toại cầu thí.

Niềm vui ở đời khác, nghĩa là lợi ích được vui của hai đời: đời này, và đời khác, gọi là niềm vui hai đời.

Thanh Tịnh Thí. Nghĩa là hạnh thí cho không có tội, công việc đã làm không có tội, gọi là thanh tịnh thí.

Trong dựa vào chương để nói, tự tánh Thí, tức dùng vô tham đều cùng tư duy và nghiệp thân, ngữ làm tánh Thí.

Y cứ ở văn, chỉ phát ra thể của tài thí. Về mặt lý, pháp thí không có vô úy thí, cũng đủ ba nghiệp và tánh vô tham.

An trụ Luật nghi, nghĩa là nói không phá giới.

“A-Cấp-ma v.v...” trở xuống, là nói không phá kiến, xưa gọi là A-hàm là sai. Nay theo bản Phạm, A-cấp-ma, Hán dịch là truyền lai, có hai nghĩa:

1- Nhân có khả năng truyền đến quả, kiến của bất nhân, gọi là A-Cấp-Ma.

2- Giáo gọi là truyền, vì Chư Phật ba đời xoay vẫn nói pháp, kiến của tín giáo, gọi là kiến A-Cấp-Ma tự cò ở giới phá, kiến không phá, kiến phá, giới không phá; đều phá, không phá, người hành thí có bốn trường hợp này: giới phá, kiến không phá; Đều không phá, hai trường hợp này là thiện thí, hai trường hợp còn lại chẳng phải thiện thí.

Văn trong tất cả Thí văn chia làm ba:

1- Hỏi.

2- Giải thích.

3- Kết trước, sinh sau.

Trong giải thích có hai:

a- Nói rộng về sáu Thí.

b- Kết, tóm tắt nghĩa.

Trong phần trước, tức sáu thí:

1- Nói về thí có của, thì không có của.

2- “Cuối cùng, không trao cho bằng miệng”, trở xuống là nói về pháp Thí.

3- “Đối với tất cả Thí, nghĩa là pháp Thí v.v...” trở xuống, là nói về Thí vô ngại giải.

4- “Đối với những người có oán v.v...” trở xuống, là nói về thí ý lạc vượt hơn.

5- “Đối với chướng ngại thí kia v.v...” trở xuống, là nói về trí đối trị với chướng ngại Thí.

6- Bên trong, ở chốn nhàn tản, tĩnh lặng v.v...” trở xuống, là nói về Thắng giải của ý kạc tăng thượng.

Trong phần trước có hai:

1- Nói về thí có của.

2- “Lại, nếu các Bồ-tát không có của, vật có thể thí.

Nơi phần trước lại có hai:

1- Nói về Thí trong, ngoài:

2- “Lại, các Bồ-tát chẳng phải không có khác nhau v.v...” trở

xuống, là nói về đối với căn cơ nào nên Thí, không nên thí, tài vật trở xuống là nói không có tài vật mà thí.

Trong phần trước lại có hai:

1- Nói chung về Thí trong, thí ngoài.

2- “Lại, các Bồ-tát giản lược do hai tướng v.v...” trở xuống, là y cứ ở trong, ngoài, chia làm bốn. Trong phần trước lại có hai:

1- Nêu số, nêu danh, để bày tỏ trong, ngoài.

2- Trong chia ra giải thích, gồm có:

a/ Thí trong.

b/ Giải thích về Thí trong, thí ngoài.

c/ Giải thích thí ngoài, cách hành văn rất dễ hiểu.

Về sau, chia ra trong, ngoài ở trước là bốn:

1) Chia ra trong làm hai:

a) Hợp với thí thân.

b) Chia ra thí chi tiết.

2) Chia ra ngoài ra làm hai:

a) Thọ dụng

b) Tự tại.

Luận sư Cảnh nói:

1) Thí cho thọ dụng, như Bồ thí y phục. Một ngày thọ dụng của bằng thí cho, sử dụng một năm. Chẳng phải chỉ Thể của thí, gọi là Thí thọ dụng.

2) Cầu tự tại. Nghĩa là tất cả tâm đoạn đều thí cho. Pháp sư Khuy Cơ nói “cầu thọ dụng trong của tiền, dụng cụ, tùy ý những gì mà người kia mong cầu, tùy thọ dụng của họ là bậc nhất, không muốn thọ dụng về của cải. Bồ-tát dứt bỏ vật dụng của mình với tâm tưởng lìa bỏ của cải để cho người kia, tùy ý tự tại là thứ hai.

Kế là, trong phần nói đối với căn cơ nên cho, không cho, trước lược, sau rộng.

Trong nói rộng có ba:

1) Y cứ ở trong thân để nói về thí cho không thí cho.

2) Y cứ vật ngoài, nói về thí, không thí.

3) “Lúc thực hành bố thí trùm khắp tất cả...” trở xuống, là nói về cách thức thí.

Trong phần trước nói “Nếu các Bồ-tát với ý ưa thanh tịnh đối với việc thực hành thí cho, cho đến không nên lìa bỏ lợi chúng sinh ngay trước mắt, mà thí cho phần thân.

Trong đây, các Bồ-tát với ý ưa thanh tịnh từ trên đến đây, không

tiết thân mình, nhất là đối với việc có lợi chúng sinh ở hiện tiền. Nếu có người đến cầu xin các thân phần của Bồ-tát, thì không nên thí cho, vì lợi ích hiện ở trước nhiều, vì lúc bỏ lợi ích ít, nên tùy theo việc đem lại nhiều lợi ích mà thực hành. Nếu tâm đổi thay lui sụt, hãy tự cảm nghĩ rằng “Về việc này đáng cho hay không cho, sinh tâm keo kiệt, bần sần, luyến tiếc thân mình. Vì phá bỏ sự bần sần, nên phải lìa bỏ thân phần. Tâm đã thanh tịnh ở trước không bỏ thân mình hiện ở trước. Đối với việc lợi ích về sau nhiều hơn thành ra không nên thí thân phần, là ý ở đây.

Y cứ ở ý trong vật ngoài, có mười lăm trường hợp, trường hợp thứ năm “Đối với vật vui chơi v.v... trước là nêu chung ý nghĩa. Kế là, giải thích riêng năm trường hợp. Sau, tổng kết cương yếu của Tông chỉ.

Nói “Nếu có người đến xin lờ, lưới săn thỏ, cung nỏ. Lờ, lưới, là dụng cụ để bắt cá, lưới săn thỏ là dụng cụ để bắt nai. Cung nỏ, là dụng cụ để săn bắt thỏ, trĩ v.v...”

Trường hợp thứ bảy “Trong không hợp với cha, mẹ, sư trưởng. Rằng, tùy ý được làm đồ tể, giết hại, đánh đập, trói buộc, mua bán, trao đổi. Nghĩa là thuận theo cha mẹ, vì để biết ơn, nên tùy ý cha mẹ, làm đồ tể giết hại. Còn tự không dám thăm ôm ấp tâm thí, hướng chi công khai cho người đến xin.”

Đây là tổng kết không được cho cha mẹ v.v... ở trên. Có tâm còn tự không ôm ấp, hướng chi dùng phẩm vật để bố thí một cách công khai.

Đại ý trường hợp thứ tám “Không được đem vợ, con, quyến thuộc, của các trăm họ v.v... đoạt lấy riêng để bố thí, chỉ giữ lấy thôn, ấp, châu báu, cõi nước, hoặc trọn vẹn, hoặc từng phần mà khi bố thí, vợ con, một trăm họ v.v... kia ở trong đó đều được bố thí. Dù được bố thí, nhưng vẫn bảo với người kia rằng “Biết ơn tôi, làm việc cung kính, tôn thờ Phật pháp, ông cũng nên thế!”

Trường hợp mười lăm “Không vượt qua Học xứ mà thực hành tuệ thí”, nghĩa là không dùng sát sinh, trộm vật v.v... của người mà thực hành tuệ thí.

Trong phần nói phương thức thí có hai mươi chín trường hợp. Trường hợp thứ tư “Không dùng ý khác lạ, không dùng tâm phần nô khuấy đục mà tuệ thí”, nghĩa là không dùng giả dối có riêng nhằm cầu danh, không dùng ý khác.

Trường hợp thứ chín “cuối cùng, không chấp luống dối, chỉ có tất cả thứ rất thiện, thanh tịnh mà thực hành tuệ thí v.v...” nghĩa là hoặc

có người chấp luống dối về người thí cho, danh như pháp, tất cả thứ rất thiện, thanh tịnh. Người thí cho như thế, tức là đạo lý dục thanh tịnh thế gian và ra đời gian. Đây là chẳng phải đạo, chấp là đạo.

Bồ-tát không có chấp giả dối này, Bồ-tát chỉ xem xét, biết rõ là đã thực hành ba việc như thế, chỉ là tư lương của lìa dục thanh tịnh, chứ chẳng phải đạo chân thanh tịnh. Đạo chân thanh tịnh, là Tuệ Vô lậu.

Trường hợp mười ba “Trong không thí, vật không hợp nghi thức”, có nêu, giải thích, kết. Lại, không thừa bạch, cho đến Bồ-tát không làm. Pháp sư Khuy Cơ nói “Rằng, như có người ở trước không ăn hành, không bạch cho người biết, như pháp bố thí mà có ý cho, Bồ-tát không làm, cho đến nói rộng, chứ chẳng phải trực tiếp không cho người kia hành này, cũng không dùng đồ tế vàng bạc này, các sự nghiệp v.v... không hợp nghi thức, mà thì cho người kia, là ý trong đây. Lại, theo phương pháp vớt lấy mà thí cháo. Nếu không kính trọng thì đối với Bồ-tát kia không làm. Không chánh oai nghi mà thí thì Bồ-tát sẽ không làm. Pháp sư Cơ nói “Nói hoặc lại xử trí v.v... nghĩa là hoặc xử trí người khác khiến họ làm những việc không đúng như pháp, rồi sau đó, mới thực hành bố thí. Chẳng hạn như bảo người khác giết v.v... rồi sau mới cho.

Trường hợp mười lăm, phân tích kỹ trong đây dựa vào tiếng tăm, lợi dưỡng mà thực hành thí cho, có bốn trường hợp. Quyển hai mươi sáu nói “Hợp thời, không lấy phi thời, nghĩa là khi đói, cho cơm, không cho áo. Lúc thời tiết oi bức, nóng nực thì cho mát mẽ, không cho lửa v.v...”

Mình, người tịnh thí. Nghĩa là không thấy người trao, kẻ nhận. Hợp với nghi thức, nghĩa là đối tượng thí, là dao, rượu độc v.v... thí cho với tâm không rối loạn, nghĩa ấy rất dễ hiểu.

Trong quyển hai mươi chín nói thêm tuệ trong thực hành thí cho, gồm có:

- 1) Nêu chung các trường hợp
- 2) Hỏi đáp, giải thích rộng
- 3) Kết.

Trong giải thích rộng, có bốn lượt văn. Trong lượt thứ ba nói rằng “Tánh quyết định tham lam keo kiệt là loại keo kiệt tham lam, nghĩa là bản tánh keo kiệt tham lam, gọi là tánh là keo kiệt tham lam. Nếu chẳng phải bản tánh keo kiệt tham lam, bị người xúi giục khiến keo kiệt, tham lam, là loại keo kiệt tham lam.”

Trong lượt thứ tư nói “Còn che giấu lỗi của người, không cho họ biết, hướng chi tiếp xúc với họ”, nghĩa là hướng chi lại hiện diện dùng lời lẽ tiếp xúc để giác ngộ họ.

Trên, đã nói về hiện có tài thí, dưới đây, trong phần nói về không có tài thí, vẫn chia làm hai:

1) Chính nói hiện không có của báu, thêm tuệ để thực hành thí cho.

2) Xếp vào giai vị, là Địa tiền, giả gọi là Bồ-tát thực hành bố thí, chứ chẳng phải đấng Địa.

Thứ hai, trong phần nói về Pháp thí, 1) Y cứ vào kinh sách, v.v... nói về thí cho, không thí cho.

2) “Thế nào là phương tiện không thí cho của Bồ-tát...?” trở xuống, là hỏi đáp, để giải thích lại phương tiện thực hành thí cho.

Trong phần trước có hai:

1) Nói dùng kinh sách để thí cho và không thí cho. Nghĩa là có người đồng học Phật pháp, mong cầu Kinh điển, Bồ-tát tự xem xét, nếu đối với kinh này, mình đã nói về nghĩa Kinh rồi, thì nên thí cho. Nếu chính mình chưa hiểu, thì phải có thời gian tìm đọc thì không nên thí cho.

2) Nói về không có Kinh sách v.v... tức quán sát tâm mình có ba trường hợp. Trong hai trường hợp đầu rằng “Dù do thực hành pháp thí này, thậm chí khiến cho ta thiếu kém tư lương của trí mầu nhiệm.” Pháp sư Thái nói “Dù do pháp này nên ta thành lỗi lầm, si mê, căm ngọng, pháp không nhẫn, keo kiệt, phiền não, vẫn còn nên bố thí pháp, huống chi lúc thí pháp, do tự mình không có pháp, nên đã làm cho ta phải thiếu kém đi tư lương của Diệu trí ngay trong hiện tại, mà không si mê, căm ngọng, không thể thí ư?”

Nay, xét Cựu luận nói “Thà rằng ta đem pháp để thí cho những kẻ si mê, căm ngọng hiện đời, vì dứt trừ phiền não, vẫn còn nên bố thí cho, huống chi tạo nên phương tiện trí tuệ ở đương lai.”

Trong trường hợp thứ ba, lại có ba cảm nghĩ: Nói là vì bị tổn hại phiền não của mình v.v... chẳng? Nghĩa là vì thực hành pháp thí, sẽ gây tổn hại cho phiền não của mình ư? Hay là vì thực hành bố thí pháp, sẽ được viên mãn tư lương của trí mình?”

Các kiến thông khí cho Kinh sách của người kia, người này, ngang đồng với trí tư lương vượt hơn. Nghĩa là để lại bản Kinh tự đọc là tư lương nuôi lớn trí, chứ chẳng phải đem thí cho người kia nhằm kiến lập công đức, nghĩa là cho người kinh sách, sẽ không có ích này, vì chỉ đối với lợi của pháp, nhiều ích mong manh ở đương lai, chứ chẳng phải là giác tuệ. Nếu bỏ đi sự tìm đọc, đem Kinh quyển thí cho người khác, thì có lợi của pháp được, mất ở đời sau, chứ chẳng đủ giác tuệ.

Trong hồi đáp, giải thích lại, phương tiện nói “Như Bí-sô tịnh Xả, nghĩa là có tịnh thí xoay vần, có tịnh thí chân thật, như trong luật nói.”

Nói về Vô ngại, giải thí. Luận sư Cảnh nói “Trong đây nói đối với ba thí, rõ thấu thể danh, vì người nói pháp, tức là hai thứ pháp, và nghĩa không có hành thí bình đẳng. Nếu hiểu rõ lý khác nhau của nhân, quả thì tùy sự ưa thích, vì họ nói, tức gọi là ưa nói Vô ngại. Khéo về phương ngôn, khuyên tu ba thí, tức Biện Vô ngại.” Pháp sư Thái nói “Nếu là môn khác thì: Một phần thí cho Từ, bi, gọi là môn khác. Hoặc thí cho thể tánh, hoặc giải thích tên gọi bố thí. Hoặc thí cho nhân, quả, đều biết như thật. Đây gọi là Vô ngại giải thí. Pháp sư Cơ thuật lại lời ngài Tam Tạng rằng “Nếu thể, tướng của môn khác, giải thích về danh thì đây là Pháp Nghĩa Vô ngại giải, năng thuyết, sở thuyết phân biệt v.v... nếu nhân quả khác nhau là Biện Vô ngại giải, vì biện nói về nhân, quả. Lại, nếu theo đoạn văn kết ở dưới, thì chỉ nói rằng, do tài thí, do pháp nên ở đây kết hai môn trên, do Vô ngại giải, không nói là Vô ngại nào? Vì sao không nói bốn Vô ngại đều gồm thấu?”

Nay, giải thích nghi vấn đó, rằng “Nói là trong Tài thí, Pháp thí, Vô úy thí trước đã nói có môn khác là Pháp Vô ngại, nghĩa là các giáo pháp phần nhiều dùng môn khác để phân biệt pháp tướng. Nếu thể tướng tức nghĩa Vô ngại. Về nghĩa “sở thuyết” phần nhiều y cứ ở thật thể để nói về thể tướng. Nếu giải thích về danh, thì nói là Huấn từ Vô ngại. Vì giải thích danh tự, nếu nói là sự khác nhau của nhân, quả là Biện thuyết Vô ngại, do hay nói về nhân, quả của thuyết pháp, tức bốn Vô ngại đều ở trong đây, do ở trên tài thí v.v... có Vô ngại này. Như thật biết rõ mà thực hành bố thí, gọi là Vô ngại giải thí.

Lại, trong bốn Vô ngại, mỗi Vô ngại đều có thể, tướng của môn khác, cho đến nhân, quả v.v... không hẳn phải phối hợp riêng. Nay, y theo Cựu luận nói rằng “So sánh tướng mạo của loại, nếu lấy danh nghĩa để phân biệt về nhân, quả, thì do Pháp sư Cơ nói rằng, môn khác là pháp Vô ngại, đều là khéo giải thích.”

Nói về Vô lượng tâm thí. Các người có ơn v.v... dựa vào tâm Xả gần.

Nói về Đối trị thí, trong đó có hai:

- 1) Nêu chung
- 2) Giải thích riêng.

Trong giải thích riêng có ba:

- 1) Nói về bốn chương bị đối trị (đối tượng trị)
- 2) Nói về bốn trí “năng trị” (chủ thể trị)

3) Nói về công dụng của bốn trí có khác nhau.

Luận sư Trắc nói “Thể của bốn chướng là:

1) Trước chưa quán tập, vì do trên hạt giống không có tánh kham nhận làm thể.

2) Vật thí rất thiếu kém. Nếu nói về vật ngoài thì do bốn tướng của sáu pháp là các trần. Nếu nói về pháp trong v.v... thì lấy năm uẩn, mười hai chi làm Thể.

3) Ham vui chấp mắc của vật với ý vui vẻ mầu nhiệm trên hết, lấy tham tăng thượng làm Thể.

4) Quán thấy mình sẽ có đầy đủ quả của cái ở đương lai mà rất ưa vui, lấy tà kiến mong cầu quả đương lai làm thể.

Kế là, nói về bốn trí, của chủ thể trị:

1) Giác ngộ, là giác ngộ mình, từ trên đến đây, vì chưa quen thí cho, nên dù hiện đang có nhiều của mà vẫn không ưa thí cho, cố gắng thực hành.

2) Chịu đựng các nỗi khổ, nghĩa là vật thí cho vốn có ít, có thể cam chịu khổ đói, lạnh, để cho ngay.

3) Biết khắp diên đảo. Nghĩa là ưa thích của cái tốt đẹp, cho là rất lạc, tịnh, bảo cho biết đều là nguồn gốc phát sinh phiền não, bất tịnh, cho nên có thể ruộng bỏ, gọi là biết diên đảo.

4) Thấy tánh hạnh không vững chắc. Nghĩa là không chấp mắc quả của việc thí cho, nhận hiểu rõ tính vô thường.

Nói về thí tăng thượng ý lạc. Cựu luận gọi là Nội trước tịnh tâm thí. Trong khó thực hành thí cho nói rằng “hoặc có ơn phẩm thượng”, Cựu luận nói “vật thí tăng thượng”.

Các Đại đức xưa giải thích “Nghĩa là vật tinh tấn, như bảy báu v.v... Nay, theo Tân luận, có ơn phẩm Thượng; hoặc có thể là ơn nặng, sai khiến, ban cho, đem ân Tuệ cho người; hoặc có thể là con cái, vợ, tôi tớ v.v... đối với mình có ơn, đem ban cho người, rằng thật là khó!

Trong tất cả môn thí cho, đại khái có bốn tướng. Nếu theo Cựu luận thì có năm đoạn văn, bốn đoạn đồng với Tân luận. Lại có một câu “Hoặc tự gom góp để bố thí”, cho nên, người Cựu luận thường nói có bốn môn không đồng. Cha mẹ là một; vợ, con là hai; tôi tớ làm sứ giả là ba; bạn lành, quan lớn là bốn. Nay, dựa theo tân luận, tài sản của mình là một; giáo hóa người được của là hai; Thí cho bà con, cha mẹ v.v... là ba; thí cho người đến xin là bốn.

Hai môn trước, y cứ của cái, chia làm hai; Môn sau y cứ ở cảnh thí có hai. Bực Thiện Sĩ thí có năm tướng rất dễ biết.

Trong tất cả thí có mười ba tướng.

- 1) Vô y thí. Nghĩa là không dựa vào tiếng tăm, quả báo.
- 2) Quảng đại thí. Nghĩa là không thấy có người nhận, vì phàm, Thánh cầu xin đều là không. Kinh Thiện Giới nói “Không thấy ruộng phước, chẳng phải ruộng phước.”
- 3) Hoan hỷ thí. Nghĩa là ba thời đều vui vẻ.
- 4, 5) Điền khí thí. Nghĩa là thí bốn biên đạo, tịnh ruộng phước.
- 6) Phi điền khí thí. Cự luận quyển sáu, gọi là nhất thiết thí.
- 7) Tất cả vật thí. Nghĩa là có vật đều Xả.
- 8) Tất cả xứ thí. Nghĩa là đã phân biệt xứ sở.
- 9) Tất cả thời thí. Nghĩa là không phân biệt thời tiết.
- 10) Vô tội thí. Nghĩa là chẳng phải pháp, tài vật, cho nên thí cho người.
- 11, 12) Phương độ thí. Tùy theo địa phương nào cần, đều thí cho tất cả.

13) Luận bản dịch xưa “thiếu hữu tình vật thí, chia tài ra làm hai số, thành mười ba. Bền cầu thí cho có tám. Cự luận nói “Trừ não thí. Đời này, đời khác ưa thí, đại khái có chín thứ. Pháp sư Cơ nói “Vả như Cự Viễn Sư giải thích rằng “Tài, pháp, vô úy v.v... mỗi thứ đều có ba: Trong tài có ba, nghĩa là thượng diệu là một, thanh tịnh là hai, Như pháp là ba. Thượng diệu tức vật mâu nhiệm trên hết như Mật ni v.v... thanh tịnh, nghĩa là vật chẳng phải do trộm cướp mà được. Như pháp, nghĩa là của cải đúng như pháp, chẳng phải dao, rựa v.v...”

Pháp thí, vô úy thí v.v... kia đều có ba, rất dễ hiểu.

Lại, có người nói “Đầu tiên nói là Tài thí; Pháp thí, Vô úy. Đây là nói về ba thứ thể. Trên ba thứ này chia ra sáu công dụng. Tài thí có hai công dụng, nghĩa là chứa chất sự như bần keo kiệt, bần sển.”

Vô úy thí có ba, nói về là sự sợ, Pháp thí hợp thành một.

Hỏi “Trong đây, vì sao ở chỗ khác, pháp thí là đầu, sau mới nói về Vô úy? Nay, Vô úy thí này ở trước, pháp thí ở sau. Nghĩa rằng: Luận ở dưới chép: Tài thí, vô úy thí có thể khiến chúng sinh, được yên vui trong đời này, vì cả hai thí này đều là niềm vui hiện tại. Cho nên, gần Kế tài thí, trước nói, Vô úy thí, pháp thí ở sau. Vì lợi ở đời sau, cho nên nói sau.”

Pháp sư Thái nói “Điều phục keo kiệt, bần sển, nghĩa là ruộng bỏ sự chấp mắc của vật. Tự có người biết được vật kia vô dụng đối với mình, nhưng vì tính keo kiệt, bần sển, chấp mắc, nên không cho người. Điều phục chứa chất cất giữ, nghĩa là bỏ chấp mắc, nghĩa là chứa nhóm

của vật, định tự thọ dụng. Bồ-tát cũng bỏ nốt tâm này. Trong ba thí, thứ nhất, bỏ của vật tốt đẹp, thứ hai, thứ ba, chẳng phải của vật tốt đẹp.

Thanh tịnh thì có mười tướng. Nói chẳng phải người đến cầu xin, hy vọng nhanh chóng được của, như các Bồ-tát mong mỗi nhanh chóng tuệ thí, nghĩa là hy vọng nhanh chóng chung tuệ thí, gặp người ở trước, hy vọng nhanh chóng được của.

Không chấp sự thí cho. Cự luận nói “Kiến, ngôn không khác nhau, hoặc chấp kiến này là không, không có quả v.v... Có ba Kiến:

- 1) Kiến chấp không có quả
- 2) Hại vì chánh pháp không có
- 3) Kiến chấp chẳng phải vượt hơn cho là vượt hơn.

Ba Kiến này đều thuộc về tà kiến. Vì sao? Vì nếu theo Tát-bà-đa thì, kiến chấp chẳng phải vượt hơn, là thuộc về Kiến thủ. Nay, theo Đại thừa, Kiến thủ, tất nhiên, phải giống với Kiến mới gọi là Kiến thủ. Nay, trong đây, vì đều không “duyên” Kiến, nên chẳng phải kiến thủ. Lại, chính quán thấy người cầu hoặc chung, hoặc riêng giống như nhau, cho dần, cho ngay, vật bình đẳng, vì sao chấp có khác nhau? Nghĩa là nếu một trăm người mà thí cho riêng dần trước sau, và cùng một thời gian, thí cho ngay một trăm người, phước kia vẫn bình đẳng, vì sao lại chấp cho rằng phước có khác nhau?
